

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 19 - 9 - 2024

V/v “Tranh chấp về quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lục Văn Chăng
- Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp về quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Đình T, năm sinh 1953 và bà Nguyễn Thị H, năm sinh 1957

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Lưu Đình T, năm sinh 1953

Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai (Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 5 năm 2024) - Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, năm sinh 1949

Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Anh Dương Văn S, năm sinh 1984.

Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai (Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 7 năm 2024)- Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lưu Khánh N, năm sinh 1978

+ Anh Lưu Tất T, năm sinh 1983

+ Chị Nguyễn Thị Thanh H, năm sinh 1984

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai

+ Chị Lưu Thị Tuyết N, năm sinh 1980

Địa chỉ: Khu N, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lưu Khánh N, chị Lưu Thị Tuyết N, chị Nguyễn Thị Thanh H: Anh Lưu Tất T, năm sinh 1983

Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai (Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 5 năm 2024) - Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Vũ Văn N, năm sinh 1954

Địa chỉ: Tổ S, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

+ Anh Lục Văn S, năm sinh 1980

Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lưu Đình T và là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 26/7/1999 hộ gia đình ông được UBND huyện Bắc Hà cấp giấy CNQSDĐ số O 717289 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00087/QSDĐ/ 228- QĐ.UBNDH. 1999 từ thửa số 1- 91 đến thửa số 1-95 tờ bản đồ số 02, diện tích 2.760 m² (trong đó thửa số 1- 92 diện tích 400 m², thửa số 1-91 có diện tích 860 m²). Đất hộ ông có giáp danh với đất hộ ông Vũ Văn N. Năm 2001 gia đình ông xây nhà, do nhà gần suối nên đã để lại diện tích đất trên móng nhà là 0,6 m chạy sâu vào cuối đất, mục đích để làm rãnh thoát nước. Nhà ông N có mở một ngõ nhỏ làm lối đi ra đường quốc lộ, ông N có cho bà N là hàng xóm đi nhờ ngõ. Sau đó bà N sửa ngõ đã cố tình lấn sang phần đất của gia đình ông cụ thể: Phía trước đất lấn 0,25m, phía sau lấn 0,35m, diện tích lấn là 11,5m² tại thửa số 1- 91 và thửa số 1-92 cấp cho hộ gia đình ông. Do rãnh thoát nước bị thu hẹp không tiêu nước được, ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình ông. Thôn và UBND xã N đã hòa giải, yêu cầu bà N trả lại cho hộ ông 0,5m đất tính từ mép tường nhà ông ra và làm đường thoát nước thải riêng, bà N đã làm đường thoát nước thải riêng, nhưng không trả lại diện tích đất cho gia đình ông và đề nghị giải quyết lại; ngày 14/4/2023 UBND xã N giải quyết hai bên thống nhất: Múc một phần đường song song với nhà để gia đình ông xuống đưa vật liệu vào khắc phục rãnh thoát nước với kích thước 0,5m, sau đó hai bên sẽ đặt tấm đan để thuận lợi đi lại nhưng bà N không thực hiện. Năm 2023 ông đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà N phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm là 11,5 m², nhưng mong muốn hai bên thỏa thuận nên ông rút đơn để hai bên gia đình tự thỏa thuận, nhưng không được.

Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 11,5m² và tháo dỡ phần bờ kè, trả lại diện tích đất cho hộ

gia đình ông. Về phần tài sản bị ảnh hưởng, ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Dương Văn S trình bày: Năm 1986 bà N được Nông trường được liệu Bắc Hà cấp đất để làm nhà ở, do nhà bà ở sâu trong ngõ nên năm 1990 gia đình bà đã đi nhờ ngõ nhà ông Vũ Văn N, cạnh ngõ ông N có làm một rãnh thoát nước, năm 2004 nhà nước mở rộng và nâng cao đường quốc lộ, do đường cao hơn ngõ nên bà đã nâng ngõ lên bằng đường quốc lộ. Con gái ông T là chị N không cho nhà bà làm vì bịt cửa sổ, UBND xã N đồng ý để nhà bà tiếp tục được nâng ngõ bằng đường quốc lộ. Đến năm 2006 ông N xây nhà giáp tỉnh lộ 153 (quốc lộ 4E), ông đã cho bà thêm đất để mở rộng ngõ đi. Đã gần 20 năm nay gia đình bà sử dụng con ngõ này, gia đình ông T không có ý kiến gì. Đến tháng 11/2022 gia đình ông T làm đơn lên UBND xã N đề nghị gia đình bà phải chuyển đường thoát nước sinh hoạt cũng là đường thoát nước từ trên đồi xuống, không cho nước chảy xuống rãnh thoát nước, bà đã thuê cắt mặt đường ngõ và lắp ống nước thải sinh hoạt chảy thẳng ra suối. Sau đó gia đình ông T yêu cầu gia đình bà phải đào ngõ để sửa rãnh nước. Gia đình bà không nhất trí đã viết đơn nhờ UBND xã N can thiệp. Ngày 14/4/2023 xã đã giải quyết nếu hộ ông T sửa rãnh thì cả hai nhà cùng làm, sau khi sửa xong và xây lại bờ kè ngõ, chi phí hết bao nhiêu bà chịu 2/3, ông T chịu 1/3. Nhưng hộ ông T không đồng ý. Nay hộ ông T khởi kiện yêu cầu bà phải trả 11,5 m² và tháo dỡ phần bờ kè ngõ, bà không đồng ý trả lại cho hộ ông T diện tích đất trên và không đồng ý tháo dỡ toàn bộ bờ kè đã xây, vì diện tích đất đó không phải là đất của hộ ông T.

- Người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Lưu Khánh N, chị Lưu Thị Tuyết N, chị Nguyễn Thị Thanh H: Anh Lưu Tất T trình bày: Đối với nguồn gốc thửa đất mà hộ gia đình anh đang tranh chấp với bà Nguyễn Thị N: Năm 1999 hộ gia đình anh được UBND huyện Bắc Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 2.760 m². Khi xây nhà gia đình anh đã để lại diện tích đất trên móng nhà là 0,6 m để làm rãnh thoát nước. Khi gia đình bà N sửa ngõ đã có tình lấn sang phần đất của gia đình anh tổng là 11,5m². Do rãnh thoát nước bị thu hẹp không tiêu nước được, nhiều năm làm ảnh hưởng đến công trình của gia đình. Nay ông T và bà H khởi kiện yêu cầu bà N phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm là 11,5 m² và tháo dỡ toàn bộ bờ kè đã xây, anh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đã ủy quyền cho anh) nhất trí theo đơn khởi kiện của ông T và bà H. Tại phiên tòa anh T yêu cầu bà N phải bồi thường thiệt hại do nước ở phần rãnh không thoát được ngấm làm ảnh hưởng công trình và tài sản của hộ gia đình anh.

Người làm chứng ông Vũ Văn N trình bày: Năm 1990 ông có sử dụng thửa đất được cấp làm nhà ở và mở lối đi dài khoảng 30m, rộng gần 2m để sử

dụng đi ra đường quốc lộ, bên cạnh đường ông có đào một rãnh để thoát nước ao và nước trên đồi chảy xuống. Năm 2006 khi ông xây nhà ra ngoài mặt đường, ông đã cho bà N thêm một diện tích đất và ngõ này để bà N sử dụng.

Ngày 06/8/2024, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất có tranh chấp, kết quả thẩm định như sau: Tổng diện tích đất hộ ông Lưu Đình T đã xác định đang tranh chấp với bà Nguyễn Thị N thuộc thửa số 1- 91 và thửa số 1-92 thuộc tờ bản đồ số 02 tại thực địa là 1.596,6 m², tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.260 m², tăng 335,6 m² so với diện tích đất cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích đất tranh chấp là 12,7 m², diện tích đất tranh chấp là đất giao thông, không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lưu Đình T.

Kết luận định giá: 01 bờ kè, móng xây đá hộc, tường gạch ba vạnh và 01 mặt đường bê tông diện tích 12,7 m² trị giá 23.650.073 đồng.

Các đương sự đều nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 165 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N phải trả lại diện tích đất 11,5m² và tháo dỡ toàn bộ bờ kè, trả lại diện tích đất cho hộ ông Lưu Đình T.

2. Về chi phí tố tụng về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo qui định Pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Lưu Đình T và bà Nguyễn Thị H khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị N có địa chỉ tại Thôn K, xã N, huyện B, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về quyền sử dụng đất” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Bắc Hà theo quy định tại khoản 6 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải, chuẩn bị xét xử. Người làm chứng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo qui định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập:

- Về nguồn gốc ngõ đi liên quan đến diện tích đất đang tranh chấp: Các đương sự đều thừa nhận: Trước đây là một lối đi do gia đình ông Vũ Văn N người cùng thôn với ông Lưu Đình T và bà Nguyễn Thị N dùng làm lối đi của gia đình ông N ra đường quốc lộ 4E, cạnh ngõ đi có một rãnh thoát nước. Do nhà bà N ở sâu trong ngõ nên năm 1990 gia đình bà N đã đi nhờ lối đi này cùng ông N, sau đó bà N đã sửa và nâng cấp lối đi này thành ngõ đi.

+ Ông Lưu Đình T cho rằng: Khi bà N sửa ngõ đã có tình lấn sang phần đất của gia đình ông tại thửa 1-91, 1-92 cụ thể: Phía trước lấn 0,25m, phía sau lấn 0,35m tổng là 11,5m².

+ Người có quyền lợi liên quan anh Lưu Tất T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi liên quan chị Nguyệt, chị Nga, chị Huyền cho rằng: Đồng ý với ý kiến của ông Lưu Đình T. Tại phiên tòa anh đề nghị bà N phải bồi thường thiệt hại do nước ở phần rãnh không thoát được ngấm vào công trình và tài sản của hộ gia đình anh.

+ Bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Dương Văn Sáng cho rằng: Ngõ đi này là đất của ông Vũ Văn N, do ông N làm, việc gia đình bà N xây và sử dụng ngõ đi này là đất của ông N cho, bà Nghiệp không lấn đất của hộ ông T, hiện nước thải của gia đình bà N không chảy xuống phần rãnh giáp nhà ông T nên bà N không đồng ý trả lại đất và bồi thường thiệt hại về công trình và tài sản đối với hộ ông T.

Người làm chứng ông Vũ Văn N và anh Lục Văn Sơn cho rằng: Ngõ đi mà hai bên tranh chấp là do ông Vũ Văn N mở để đi từ suối vào nhà, sau đó bà N đã sử dụng chung ngõ này; ngõ đi và mương nước tồn tại từ trước khi hộ ông T xây nhà.

+ Căn cứ vào kết quả xác minh tại UBND xã Nthì: Từ năm 1990 con ngõ này là một lối đi nhỏ do hộ ông Vũ Văn N dùng để đi ra quốc lộ 4E, bên cạnh có rãnh thoát nước nhỏ, sau đó bà N đi chung ngõ này, năm 2004 hộ ông N và bà N xây kè làm ngõ đi chung, đến năm 2013 bà N đổ bê tông làm ngõ đi lại của gia đình. Hộ gia đình ông T và bà N đã nhiều lần xảy ra tranh chấp, chính quyền địa phương đã giải quyết nhiều lần nhưng hai bên chưa thống nhất được. Ngõ đi này hiện có hai hộ gia đình đang sử dụng làm lối đi ra quốc lộ 4E. Ngoài ngõ đi trên, hộ gia đình bà N không còn lối đi nào khác để đi ra được đường quốc lộ 4E.

+ Căn cứ công văn số 2123a/UBND-TNMT ngày 26/8/2024 của UBND huyện Bắc Hà thì: Năm 1999 UBND huyện cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình ông Lưu Đình T với tổng 05 thửa đất (trong đó có thửa 1-91,1-92

liên quan đến phân đất tranh chấp). Các thửa đất không có sơ đồ kèm theo giấy chứng nhận, việc giao đất được thể hiện theo sơ đồ giao nhanh, không có tọa độ, kích thước, hình thể chính xác của các thửa đất cụ thể.

Năm 2010 đến 2012 thực hiện Dự án chuẩn hóa hồ sơ địa chính xã Na Hôi, đơn vị tư vấn đã số hóa sơ đồ giao đất (SĐ.02) năm 1999, hộ gia đình ông Lưu Đình T đã phối hợp kê khai hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất phát hành số O 717287, vào sổ số 00087, các thửa đất đã được số hóa theo hiện trạng sử dụng đất, xác định ranh giới, diện tích đất sử dụng. Căn cứ hồ sơ, diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ số 54, mục đích sử dụng đất giao thông, do UBND xã N quản lý (thể hiện trong sổ địa chính, mục kê bản đồ được Sở Tài nguyên và Môi trường đã ký xác nhận kết quả đo đạc ngày 22/12/2021).

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Đình T và bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc ông T và bà H khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị N phải trả diện tích đất lấn chiếm của hộ ông Lưu Đình T tại thửa 1-91 và 1-92 thuộc tờ bản đồ 02 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông, theo số liệu mà nguyên đơn chỉ mốc giới, Tòa án đã xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất trên thì diện tích tại thực địa là: 1.595,6 m² tăng 335,6 m² so với diện tích đất cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích đất tranh không nằm trong GCNQSD đất của hộ ông T, ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh diện tích đất tranh chấp trên là của hộ gia đình ông; mặt khác hiện nước thải của gia đình bà N đã được lắp ống chảy trên mặt ngõ, không chảy xuống rãnh làm ảnh hưởng đến công trình của hộ ông T. Tại công văn trả lời của UBND huyện Bắc Hà xác định diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ số 54, mục đích sử dụng đất giao thông, do UBND xã N quản lý.

Căn cứ Điều 100 luật đất đai 2013 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật dân sự nguyên đơn không có quyền sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp trên nên việc khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[5] Các vấn đề khác:

- Đối với việc ông Vũ Văn N và bà Nguyễn Thị N cho rằng: Diện tích đất tranh chấp hiện nay bà N sử dụng làm ngõ đi là đất do ông N cho bà N. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, ông N chưa làm thủ tục tặng cho, hiến tặng, chưa thực hiện đăng ký biến động quyền sử dụng đất do tặng cho, hiến tặng làm lối đi vào nhà ở của bà Nguyễn Thị N nên việc ông N cho bà N đất là không có căn cứ.

- Đối với người có quyền lợi liên quan anh Lưu Tất T yêu cầu bà N phải bồi thường thiệt hại do nước ngấm vào công trình và tài sản của hộ gia đình anh, tại phiên tòa anh mới yêu cầu nhưng anh không đưa ra mức bồi thường là bao nhiêu và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thiệt hại nộp cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Ông Lưu Đình T và bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[7] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.240.000 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng là 10.000.000 đồng, ngày 29/8/2024 Tòa án đã trả lại cho ông T số tiền 5.760.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên ông Lưu Đình T và bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.240.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 165 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Đình T và bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N phải trả lại diện tích đất 11,5m² và tháo dỡ toàn bộ bờ kè, trả lại diện tích đất cho hộ ông Lưu Đình T.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Lưu Đình T và bà Nguyễn Thị H phải chịu 4.240.000 đồng (Bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ông T và bà H đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Ông Lưu Đình T và bà Nguyễn Thị H phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001380 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Ông Lưu Đình T và bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (3);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Thu Hương